TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/11/2018
V/v:Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngTrần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:*Ông Lưu Văn A -Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số336/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/8/2018về tranh chấp"Ly hôn"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày09tháng10năm2018giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Anh H, sinh năm 1977;đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn 7, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội."Có mặt".

*Bị đơn:*Chị T, sinh năm 1978; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi và nơi ở: Thôn 5, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Htrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.Sau khi kết hôn vợ chồngchung sống thường xuyênxảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Gia đình đã tìm nhiều cách để khắc phục, hòa giải vợ chồng nhưng không được.Dần dần tình cảm vợ chồng không còn, đến tháng 9 năm 2016, mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trở nên trầm trọng.Vợ chồngđã ly thân và cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từđóđến nay.Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị T, vợ chồng không thể hàn gắn được, đề nghị tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung vợ chồng:Vợ chồng có 01 con chung là cháu D, sinh ngày 22/8/2016. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng là giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Anh H làm nghề lao động tự do, mức thu nhập của anh H là 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung vợ chồng:Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, hoàn cảnh kết hôn đúng nhưanh H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2016 thì chịTú có thai nhưng anh H không quan tâm tới chị,anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà hắt hủi, gây sự vô cớ với vợ. Anh H không quan tâm tới mẹ con chị, không hỗ trợ kinh tế để nuôi con. Chị T đã khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H vẫn kiên quyết ly hôn.Tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T mong anh H suy nghĩ lại vì con còn nhỏ cần có đủ cả bố và mẹ.Chị Tkhông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu D, sinh ngày 22/8/2016. Chị T xin nuôi cháu D và yêu cầu anh H cấp dưỡng là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung vợ chồng:Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm: Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của anh H, giao con cho chị T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng anh H làm nghề lao động tự do thu nhập 7.000.000đ/tháng anh H còn phải nuôi con riêng và chi phí cá nhân nên mức cấp dưỡng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/tháng là phù hợp với điều kiện, khả năng thu nhập của anh H, về tài sản không phải giải quyết, về án phí anh H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do anh Hcó đơn yêu cầu ly hôn với chị T có ĐKHKTT và nơi cư trú là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.Căn cứ khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú. Vì vậy,Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2].Về quan hệhôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồngthường xuyên xảy ramâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là

do vợ chồng không hòa hợp về tình cảm và quan điểm sống, không thương yêu, không giúp đỡ nhau.Đến khoảngnăm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng,vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay.Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện được mâu thuẫn vợ chồng. Theo kết quả xác minh tại địa phươngvà lời khai của của người làm chứng thì vợ chồng anh H và chị Tcó mâu thuẫn, bất hòa,vợ chồng đã ly thân từ khoảng giữa năm 2016. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chungkhông thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị T của anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có01 con chung là cháu D, sinh ngày 22/8/2016 hiện nay đang ở với chị T xét nguyện vọng của anh chị và cháu D còn nhỏ nên giao cho chị T nuôi dưỡng cháu D. Về cấp dưỡng căn cứ mức thu nhập của anh H và sinh hoạt phí của cháu D nên mức cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng là phù hợp.

[4].Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí:Anh H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân:Anh H được ly hôn với chị T.

Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 22/8/2016 cho chị T nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Anh H đã nộp 300.000đtiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0003867 ngày 13/8/2018của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.Anh H phải nộp tiếp 300.0000đ.

Về quyền kháng cáo: Anh H và chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND h. Gia Lâm;
-Chi cục THADS h. Gia Lâm;
-TANDTP. Hà Nội;
- Lưu:Hồ sơ vụ án;
-Lưu:Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Quang